

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 133/2025/DS-PT
Ngày 22-9-2025
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản
và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Hạnh.

Bà Vũ Thị Bích Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản và chia tài sản chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là Toà án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 135/2025/QĐXXPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2025/QĐPT-DS ngày 04/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị B**, sinh năm 1937; nơi cư trú: Thôn Đ, xã G, thành phố Hải Phòng (trước đây là Thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H; có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn Đ, xã G, thành phố Hải Phòng (trước đây là Thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương); Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông H: Bà Đoàn Thị S - sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn Đ, xã G, thành phố Hải Phòng (trước đây là Thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương), là người đại diện theo ủy quyền, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn Đ, xã G, thành phố Hải Phòng (trước đây là Thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương), có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn T, xã G, thành phố Hải Phòng (trước đây là Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương), có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà L1: Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn Đ, xã G, thành phố Hải Phòng (trước đây là Thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L1: Ông Phạm Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H; có mặt.

3.3. Bà Đoàn Thị S, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn Đ, xã G, thành phố Hải Phòng (trước đây là Thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương), có mặt.

3.4. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T1: Bà Đặng Thị B - sinh năm 1937; nơi cư trú: Thôn Đ, xã G, thành phố Hải Phòng (trước đây là Thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương), có mặt.

-Bà Phạm Thị D (tên gọi khác là Nguyễn Thị D1), chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn Q. Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn Đ, xã G, thành phố Hải Phòng (trước đây là Thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương); Hiện không rõ địa chỉ.

3.5. Chị Nguyễn Thị A (tên gọi khác là Lê Thị H1) sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu dân cư C, phường C, thành phố Hải Phòng (trước đây là phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương); vắng mặt.

4. Người kháng cáo:

-Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn T, xã G, thành phố Hải Phòng (trước đây là Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương). Có mặt.

-Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn Đ, xã G, thành phố Hải Phòng (trước đây là Thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Đặng Thị B cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B thống nhất trình bày:

Bà và chồng là ông Nguyễn Văn T2 (sinh năm 1935, chết ngày 27/3/1983 không để lại di chúc). Bố mẹ của ông T2 đã chết từ những năm 1945. Bà và ông T2 sinh được 04 người con gồm: Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1, ông

Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1965, chết ngày 08/02/2007). Ông Nguyễn Văn T1 lấy vợ là bà Lương Thị L2 nhưng đã ly hôn, có 01 con chung là Nguyễn Thị A (tên gọi khác Lê Thị H1). Sau khi ly hôn, ông T1 sống cùng với bà Nguyễn Thị D1 không xác định được có đăng ký kết hôn hay không và có 02 con chung là Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn Q. Sau khi ông T1 chết, mẹ con bà D1 bỏ đi không rõ địa chỉ.

Bà B, ông T2 đã có khối tài sản chung là quyền sử dụng đất, diện tích là 553,2m². Nguồn gốc đất là do ông cha để lại. Sau khi ông T2 chết, bà B và các hàng thừa kế chưa có lần nào phân chia di sản thừa kế. Đến năm 1997 quyền sử dụng đất của bà B được tách thành 02 thửa gồm thửa 168a, diện tích 250m² mang tên bà B và thửa 168b, diện tích 275m² mang tên ông Nguyễn Văn H.

Năm 2022 bà B khởi kiện về "Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" được TAND tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết và ra bản án số 05/2023/DS-ST, ngày 09/02/2023. Quyết định của bản án đã ghi: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Đặng Thị B về yêu cầu kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất; Buộc ông Nguyễn Văn H bà Đoàn Thị S có trách nhiệm trả lại 275m² đất ở tại thửa 168b, tờ bản đồ 02 tại thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương cho cụ Đặng Thị B và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T2 gồm: cụ Đặng Thị B, bà Nguyễn Thị L1, bà bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn H, vợ và các con của ông Nguyễn Văn T1 là bà Phạm Thị D (Nguyễn Thị D1); chị Nguyễn Thị N; anh Nguyễn Văn Q; chị Nguyễn Thị Anh . Xác định diện tích đất 553,2m² thuộc quyền sử dụng chung của cụ Đặng Thị B và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T2 gồm: cụ Đặng Thị B, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn H, vợ và các con của ông Nguyễn Văn T1 là bà Phạm Thị D (Nguyễn Thị D1); chị Nguyễn Thị N; anh Nguyễn Văn Q; chị Nguyễn Thị A; Tiếp tục giao quyền quản lý diện tích đất 553,2m² và các công trình tài sản trên đất cho những người đang quản lý là cụ Đặng Thị B, ông Nguyễn Văn H, bà Đoàn Thị S. Hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà B khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết gồm:

-Xác định 1/2 diện tích đất trong tổng số 553,2m² (cụ thể 276,6m²) trong khối tài sản chung của bà và ông T2 tại thửa 168 (hồ sơ phân chia thành 168a, 168b), tờ bản đồ số 02, địa chỉ đất tại thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương là tài sản riêng của bà.

-Chia thừa kế 1/2 diện tích đất (276,6m²) của ông T2 là di sản thừa kế trong khối tài sản chung với bà.

Quá trình giải quyết vụ án, bà B có thay đổi yêu cầu khởi kiện thứ 2 là xác định ông T2 đã chết (42 năm) đã hết thời hiệu yêu cầu chia thừa kế. Vì vậy đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu và yêu cầu giao cho bà 1 diện tích đất là di sản của ông T2 để lại cho bà quản lý sử dụng cùng với 1/2 diện tích đất là tài sản riêng của bà để bà làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, đại diện bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là bà Đoàn

Thị S trình bày: Bà và ông H kết hôn năm 1987. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống cùng bà B, còn ông T2 đã chết trước đó năm 1983. Vợ chồng có vượt lập đất ở phía sau nhà mái bằng, xây dựng 02 gian chồng lợp, 01 gian nhà vệ sinh năm 1983. Ở phía trước nhà, vợ chồng có xây dựng 01 nhà vệ sinh, 01 bếp, 02 bể nước, 01 đoạn sân trệt bê tông ở phía trước bếp, 01 đoạn sân giếng. Đối với yêu cầu chia thừa kế của bà B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà xác định hết thời hiệu yêu cầu chia thừa kế di sản của ông T2. Vì vậy bà đề nghị áp dụng thời hiệu chia thừa kế. Hiện tại bà B đề nghị xác định 1/2 diện tích đất trong tổng số 553,2 m² (276,6 m²) tại thửa 168 (hồ sơ chia ra làm 02 thửa 168a, 168b) tờ bản đồ số 02 tại thôn Đ xã G, huyện G là tài sản riêng của bà B trong khối tài sản chung với ông T2 bà không có ý kiến gì. Đối với 1/2 diện tích đất còn lại 276,6m² là di sản thừa kế của ông T2 để lại nằm trong khối tài sản chung với bà B, bà đề nghị giao cho người đang quản lý sử dụng đất. Bà và ông H đã thống nhất phần công sức xây dựng nhà, các công trình trên đất quyền sử dụng đất được hưởng sẽ tự nguyện cho bà B.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1, chị Nguyễn Thị A (tên gọi khác Lê Thị H1) trình bày:

Về nguồn gốc quyền sử dụng đất như nguyên đơn, bị đơn đã trình bày. Đề nghị xác định rõ phần tài sản của bà B trong khối tài sản chung với ông T2 (553,2m²). Đối với phần di sản của ông T2 để lại 1/2 trong số diện tích 553,2 m² là 276,6 m² đề nghị chia di sản cho hàng thừa kế của ông T2 gồm: Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T1 (ông T1 đã chết hiện sẽ do chị Nguyễn Thị A tên gọi khác là Lê Thị H1 đại diện). Đối với phần diện tích được xác định là 1/2 trong tổng số 553,2m² chung với ông T2 của bà B (276,6m²). Đề nghị chỉ cho bà B một phần còn lại chia hết thừa kế cho hàng thừa kế của ông T2. Chia bằng hiện vật. Đối với tài sản có trên đất, đề nghị phá hết để lấy mặt bằng chia di sản cho các đồng thừa kế. Bà L1, bà L không đồng ý áp dụng thời hiệu chia di sản thừa kế.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng) đã quyết định:

Căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147. Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 503; Điều 623 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 100 Luật đất đai 2013; Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Đặng Thị B là 1/2 diện tích thửa đất số 168 (trên hồ sơ là thửa 168a, 168b), tờ bản đồ số 02 đăng ký mang tên bà Đặng Thị B diện tích thực tế sử dụng là 276,6m² địa chỉ: Thôn Đ xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương. 1/2 diện tích thửa đất số 168 (trên hồ sơ là thửa 168a, 168b), tờ bản đồ số 02 diện tích thực tế sử dụng là 276,6m² là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T2.

Chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu chia thừa kế của bà Đặng Thị B, chị Đoàn Thị S xác định thời hiệu yêu cầu chia thừa kế đối với phần tài sản là 1/2 quyền sử dụng đất 276,6m² của ông Nguyễn Văn T2 đến thời điểm khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc đã hết thời hiệu yêu cầu chia thừa kế.

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Đặng Thị B ông Nguyễn Văn H, bà Đoàn Thị S về việc ông H, bà S cho bà B toàn bộ tài sản, công sức ông, bà đã xây dựng nhà 02 tầng; quyền sử dụng đất của người được giao do đang quản lý di sản do hết thời hiệu yêu cầu chia thừa kế. Bà B được quyền quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất với diện tích thực tế sử dụng là 553,2m² được ký hiệu trên sơ đồ bằng các điểm: A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9, A10, A11, A12, A13. Trên đất có các tài sản gồm: 01 nhà 02 tầng xây dựng năm 1983; 01 nhà mái bằng xây dựng cạnh nhà 02 tầng; 01 chuồng lợn phía sau nhà 02 tầng; 02 gian bếp, 01 bể nước xây dựng năm 1997, 01 đoạn tường bao trước nhà, 02 trụ cổng, 01 giếng khơi; 02 cổng sắt; 02 bể nước; 01 cây hương; 01 đoạn sân gạch, 01 đoạn sân bê tông; 01 nhà vệ sinh; một số cây cối trên đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Đặng Thị B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị A (tên gọi khác là Lê Thị H1) do thời hiệu yêu cầu chia thừa kế đã hết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 05/6/2025 bà L1, bà L có đơn tố cáo, tuy nhiên nội dung đơn thể hiện việc kháng cáo bản án, đề nghị cấp phúc thẩm chia quyền sử dụng đất phần đất của cụ Nguyễn Văn T2 cho 04 người con và một số vấn đề khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo, người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L1 xác nhận vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Đề nghị HĐXX chia di sản thừa kế của ông T2 cho các đồng thừa kế. Đối với phần tài sản của bà B chia cho bà một kỷ phần thừa kế còn lại chia đều cho những người thuộc hàng thừa kế thừa nhất.

Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không nhất trí nội dung kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:
Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng) và giao hồ sơ cho tòa án khu vực 11 – Hải Phòng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 05/6/2025, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được Đơn tố cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hình thức đơn đảm bảo được một phần theo quy định của điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên nội dung đơn thể hiện yêu cầu kháng cáo của đương sự đối với bản án sơ thẩm nên cần chấp nhận và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Trước khi khởi kiện vụ án này bà B đã tiến hành khởi kiện vụ án về Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã thụ lý vụ án sơ thẩm số 11/2022/TLST-DS ngày 10/5/2022 và đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 03/02/2023. Tại Bản án số 05/2023/DS-ST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, trong phần quyết định đã thể hiện: ...*"Xác định diện tích đất 553,2 m² thuộc quyền sử dụng chung của cụ Đặng Thị B và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T2 gồm: Cụ Đặng Thị B, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn H, vợ và các con của ông Nguyễn Văn T1 là bà Phạm Thị D (Nguyễn Thị D1; chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị A"...* Bản án trên đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, diện tích 553,2 m² không còn là di sản thừa kế nữa mà là tài sản chung của những người thừa kế. Do đó quan hệ pháp luật phải giải quyết trong vụ dân sự thụ lý số 27/2024/TLST-DS ngày 04/11/2024 phải là yêu cầu chia tài sản chung, trường hợp bà Đặng Thị B khởi kiện yêu cầu chia tài sản thừa kế, trong quá trình thụ lý giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm phải hướng dẫn đương sự sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung theo bản án số Bản án số 05/2023/DS-ST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương (nay là TAND thành phố Hải Phòng) đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định sai quan hệ pháp luật cần phải giải quyết, vẫn thụ lý, giải quyết yêu cầu chia tài sản thừa kế và xác định thời hiệu chia di sản thừa kế phần di sản của ông T2 đã hết, nên không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của các đương sự. Điều này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[3] Trong vụ án này, cấp sơ thẩm còn xác định người liên quan là Bà Phạm Thị D (tên gọi khác là Nguyễn Thị D1), chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn Q. Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn Đ, xã G, thành phố Hải Phòng (trước đây là Thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương); Hiện không rõ địa chỉ. Cấp sơ thẩm chỉ niêm yết các văn bản tố tụng tại địa phương. Tuy nhiên việc niêm yết công khai không đảm bảo cho người vắng mặt tại nơi cư trú nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt, thông báo, nhưng cấp sơ thẩm không làm thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, theo quy định tại Điều 180 của BLTTDS. Như vậy làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[4] Từ phân tích trên, HĐXX phúc thẩm xét thấy cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Như vậy, mới có thể đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự trong vụ án. Do hủy bản án sơ thẩm nên yêu cầu kháng cáo về nội dung vụ án HĐXX phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do ủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, 310, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị L1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng) về việc Tranh chấp về thừa kế tài sản và chia tài sản chung và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm (Tòa án nhân dân khu vực 11-Hải Phòng) giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- Phòng GD,KT,TT&THA
- TAND TP Hải Phòng;
- TAND khu vực 11 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 11 - Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân